

Số: 09 /BC-UBND

Đakrông, ngày 11 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO
Kết quả tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số cải cách hành chính năm 2016
của UBND huyện Đakrông

Thực hiện Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị về Phê duyệt Đề án Xác định chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn; Quyết định số 2899/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 2092/QĐ-UBND ngày 01/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Trị. UBND huyện báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số CCHC năm 2016 với các nội dung như sau:

1. Về kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính:

Trên cơ sở kết quả thực hiện các nội dung về cải cách hành chính trên địa bàn huyện năm 2016. UBND huyện Đakrông tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính với tổng số điểm là **95,5** điểm.

(Có bảng tự đánh giá, chấm điểm kèm theo)

2. Các tài liệu kiểm chứng:

Để chứng minh kết quả đạt được trong thực hiện đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số cải cách hành chính. UBND huyện gửi kèm theo các tài liệu kiểm chứng, như: Kế hoạch, báo cáo, Quyết định, Biên bản, Công văn...

Trên đây là báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số Cải cách hành chính năm 2016. UBND huyện báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c)
- Sở Nội vụ;
- CT, các PCT;
- Các cơ quan thuộc UBND huyện;
- Lưu VT, CV.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Đắc Quý


BẢNG CHẤM ĐIỂM CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA HUYỆN ĐAKRÔNG NĂM 2016
(Kèm theo Báo cáo số: 09 /BC-UBND ngày... tháng 01 năm 2017 của UBND huyện Đakrông)

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
1	CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC	16	15,5		
1.1	Kế hoạch CCHC hàng năm	4,5	4,5		
1.1.1	Ban hành kế hoạch CCHC	1	1	Kế hoạch CCHC huyện Đakrông năm 2016 ban hành kèm theo Quyết định số 87/QĐ-UBND ngày 22/01/2016	
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch:</i>				
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>				
1.1.2	Có kế hoạch triển khai đầy đủ các nhiệm vụ CCHC trên các lĩnh vực theo Kế hoạch CCHC của UBND tỉnh và bố trí kinh phí triển khai.	1	1	Kế hoạch CCHC đã xác định đủ các nhiệm vụ; Đã bố trí kinh phí kiểm tra công tác CCHC (Kế hoạch số 1104/QĐ-UBND ngày 27/7/2016)	
	<i>Có Kế hoạch xác định đầy đủ 100% nhiệm vụ và bố trí kinh phí: 1</i>				
	<i>Có Kế hoạch xác định từ 80% đến dưới 100% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0,5</i>				
	<i>Có Kế hoạch xác định từ 60% đến dưới 80% nhiệm vụ và có bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0,25</i>				
	<i>Có Kế hoạch xác định dưới 60% nhiệm vụ hoặc không bố trí kinh phí triển khai thực hiện: 0</i>				
1.1.3	Kết quả đạt được theo hướng dẫn	1	1	Có các Báo cáo CCHC kèm theo	
	<i>Đạt yêu cầu (thực hiện theo nội dung hướng dẫn): 1</i>				
	<i>Không đạt yêu cầu: 0</i>				
1.1.4	Mức độ thực hiện kế hoạch CCHC (Tính tỷ lệ % số kết quả, sản phẩm hoàn thành so với tổng số kết quả, sản phẩm trong kế hoạch đến thời điểm kết thúc năm kế hoạch)	1,5	1,5	Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 của UBND huyện về tình hình công tác CCHC năm 2016	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1,5</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1				
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5				
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0				
1.2	Báo cáo CCHC	2	1,75		
1.2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý, báo cáo 6 tháng, và báo cáo năm)	1	1	Báo cáo số: 51/BC-UBND ngày 10/3/2016; Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 09/6/2016; Báo cáo số 196/BC-UBND ngày 12/9/2016; Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016	
	Đủ số lượng báo cáo: 1				
	Thiếu 1 báo cáo: 0,5				
	Thiếu 2 báo cáo trở lên: 0				
1.2.2	Nội dung báo cáo	0,5	0,5	Tất cả báo cáo đều phản ánh đầy đủ nội dung theo hướng dẫn	
	4 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 0,5				
	3 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 0,25				
	2 báo cáo đủ nội dung yêu cầu: 0				
	Không đạt yêu cầu: (0đ)				
1.2.3	Thời gian gửi báo cáo	0,5	0,25	03 Báo cáo đúng thời gian quy định	
	4 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0,5				
	3 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0,25				
	2 báo cáo gửi đúng thời gian quy định: 0				
1.3	Kiểm tra công tác CCHC	3,5	3,5		
1.3.1	Kế hoạch kiểm tra CCHC đối với cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã (có KHKT riêng hoặc nằm trong kế hoạch CCHC năm)	1	1	Kế hoạch số 1104/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND huyện về kiểm tra công tác CCHC năm 2016	Lồng ghép với kiểm tra công vụ với kiểm tra công tác CCHC 14/35 cơ quan, đơn vị.
	Có kế hoạch kiểm tra trên 30% cơ quan, đơn vị trở lên: 1				
	Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 0,5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/điển giải	Ghi chú
	<i>Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị: 0</i>				
1.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra (xác định số lượng đơn vị đã được kiểm tra trên thực tế so với đơn vị trong kế hoạch kiểm tra để tính tỷ lệ%)	1,5	1,5	Báo cáo số 45/BC-DKT ngày 24/11/2016 của Đoàn kiểm tra về kết quả kiểm tra công tác CCHC và công vụ	14/14 xã, thị trấn được kiểm tra theo kế hoạch
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1,5</i>				
	<i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				
1.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (thông kê trong báo cáo của Đoàn kiểm tra công tác CCHC số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý)	1	1	Báo cáo số 45/BC-NV ngày 24/11/2016 của Phòng Nội vụ: Các vấn đề được phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý như: Xây dựng kế hoạch; chấp hành chế độ báo cáo; niêm yết TTHC, bố trí cán bộ; báo công khai TTHC; Sở theo dõi, phiếu hẹn; Rà soát TTHC; phản ánh kiến nghị...	
	<i>Không phát hiện vấn đề nào qua kiểm hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý:</i>				
	<i>1</i>				
	<i>Từ 70% - 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5</i>				
	<i>Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>				
1.4	Công tác tuyên truyền CCHC	2	1,75		
1.4.1	Kế hoạch tuyên truyền CCHC (có kế hoạch tuyên truyền CCHC riêng hoặc năm trong kế hoạch CCHC năm)	1	1	Kế hoạch số 62//KH-UBND ngày 25/4/2016 về tuyên truyền CCHC năm 2016	
	<i>Có Kế hoạch: 1</i>				
	<i>Không có kế hoạch: 0</i>				
1.4.2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền CCHC	1	0,75	Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 của UBND huyện về tình hình công tác CCHC năm 2016	
	<i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
	Thực hiện từ 70% <i>80% kế hoạch: 0,75</i>				
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% <i>kế hoạch: 0,5</i>				
	Thực hiện dưới 50% <i>kế hoạch: 0</i>				
1,5	Sự năng động trong chỉ đạo, điều hành CCHC	4	4		
1.5.1	Gắn kết quả thực hiện CCHC với công tác thi đua, khen thưởng (thể hiện trong văn bản bình xét thi đua, khen thưởng của cấp huyện	1	1	- Quyết định số 1210/QĐ-UBND ngày 09/7/2014 về Quy định tiêu chí đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị thuộc UBND huyện - Quyết định số 1211/QĐ-UBND ngày 09/7/2014 về bộ tiêu chí đánh giá, xếp loại chính quyền cơ sở. - Công văn số 886/UBND-CCHC ngày 15/12/2016 của UBND huyện (thực hiện Một cửa điện tử)	Căn cứ mức độ hoàn thành nhiệm vụ để xét khen thưởng
	<i>Có thực hiện: 1</i>				
	<i>Không thực hiện: 0</i>				
1.5.2	Sáng kiến trong triển khai công tác CCHC (là những giải pháp, biện pháp, mô hình cách làm mới được áp dụng và đem lại hiệu quả trong thực hiện CCHC năm của cấp huyện): 3	3	3	Quyết định số 152/QĐ-HĐSK ngày 29/11/2016 của Hội đồng sáng kiến cấp cơ sở.	
	<i>Có 3 sáng kiến trở lên: 3</i>				
	<i>Có 2 sáng kiến: 2</i>				
	<i>Có 1 sáng kiến: 1</i>				
	<i>Không có sáng kiến: 0</i>				
2	XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT	9,5	9,5		
2.1	Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL (đối chiếu với các quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND và UBND, quy định của Trung ương và của UBND tỉnh)	2	2	- Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 04/01/2016 về xây dựng và ban hành VBQPPL năm 2016; - UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện theo đúng quy định	
	<i>Đúng quy định: 2</i>				
	<i>Không đúng quy định: 0</i>				
2.2	Công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật	3	3		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
2.2.1	 <p>Ban hành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật</p> <p>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</p> <p>Ban hành muộn hoặc chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0,5</p> <p>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</p>	1	1	Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/01/2016 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2016.	
2.2.2	<p>Mức độ hoàn thành kế hoạch rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL</p> <p>Hoàn thành 100% kế hoạch: 1</p> <p>Hoàn thành từ 70% đến dưới 100% kế hoạch: 0,5</p> <p>Hoàn thành dưới 70% kế hoạch: 0</p> <p>Xử lý hoặc kiến nghị xử lý kết quả rà soát (thông qua rà soát phát hiện những văn bản QPPL còn hiệu lực, văn bản hết hiệu lực, văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ... từ đó xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xử lý)</p> <p>Qua rà soát không có sai sót hoặc có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% theo đúng quy định của Nhà nước: 1</p> <p>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý từ 70% đến dưới 100% kế hoạch: 0,5</p> <p>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý dưới 70% kế hoạch: 0</p>	1	1	- Kế hoạch số 1706/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 thành lập tổ rà soát, hệ thống hóa VBQPPL; - Quyết định số 2787, 2788, 2789, 2790/QĐ-UBND của UBND huyện	
2.2.3	<p>Qua rà soát không có sai sót hoặc có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý 100% theo đúng quy định của Nhà nước: 1</p> <p>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý từ 70% đến dưới 100% kế hoạch: 0,5</p> <p>Rà soát có sai sót nhưng đã xử lý hoặc kiến nghị xử lý dưới 70% kế hoạch: 0</p>			- Quyết định số 2787, 2788, 2789, 2790/QĐ-UBND của UBND huyện	
2.3	Tổ chức triển khai và kiểm tra việc thực hiện VBQPPL do TW, UBND tỉnh ban hành trên các lĩnh vực quản lý nhà nước mà UBND cấp huyện phải thực hiện	4,5	4,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/điển giải	Ghi chú
2.3.1	Tổ chức triển khai thực hiện <i>Trên 80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1.5</i> <i>Từ 70%-80% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 1</i> <i>Từ 50% - dưới 70% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0.5</i> <i>Dưới 50% số VBQPPL được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định: 0</i>	1.5	1,5	Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 18/02/2016 về phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2016; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 29/3/2016 của UBND huyện. Báo cáo số: 279/BC-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện.	
2.3.2	Ban hành kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL <i>Ban hành kịp thời (ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch): 1</i> <i>Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hoặc chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch): 0.5</i> <i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0</i>	1	1	Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 14/01/2016 về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2016.	
2.3.3	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra <i>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1</i> <i>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 0.75</i> <i>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</i> <i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>	1	1	Các Kết luận số: 01; 02; 03; 04/KL-TP của Phòng Tư Pháp	
2.3.4	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê số lượng vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý) <i>Không phát hiện vấn đề nào qua kiểm hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i>	1	1	Các Kết luận số: 01; 02; 03; 04/KL-TP của Phòng Tư Pháp	

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/điển giải	Ghi chú
	Từ 70% - 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75				
	Từ 50% - dưới 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,5				
	Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
3	CÁI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	13	13		
3.1	Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính	7	7		
3.1.1	Ban hành kế hoạch công tác kiểm soát TTHC cấp huyện (có Kế hoạch riêng hoặc năm trong kế hoạch CCHC)	1,5	1,5	Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 14/01/2016 về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016	
	Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1,5				
	Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch: 1				
	Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch: 0				
3.1.2	Mức độ thực hiện kế hoạch	2	2	Báo cáo số: 100/BC-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện về tình hình, kết quả thực hiện KSTTHC.	
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 2				
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1				
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0,5				
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0				
3.1.3	Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát	1	1	Báo cáo số: 100/BC-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện về tình hình, kết quả thực hiện KSTTHC.	
	Qua rà soát không phát hiện có vấn đề cần xử lý hoặc phát hiện và đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan theo thẩm quyền: 1				

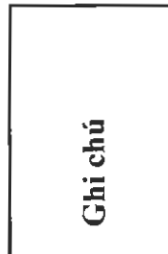


STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/điển giải	Ghi chú
	Không đề nghị cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ TTHC và các quy định có liên quan: 0				
	Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	1	1	Được các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện đảm bảo theo đúng quy định.	
3.1.4	Thực hiện đầy đủ theo quy định của Trung ương, UBND tỉnh: 1 Không thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương, UBND tỉnh: 0				
	Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	1,5	1,5	Báo cáo số: 100/BC-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện về tình hình, kết quả thực hiện KSTTHC.	
3.1.5	Không nhận được phản ánh, kiến nghị nào hoặc trên 80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1.5 Từ 70% - 80% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1 Từ 50% - 70% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5 Dưới 50% các phản ánh, kiến nghị được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
3.2	Công khai thủ tục hành chính	6	6		
	Niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện đã được UBND tỉnh công bố theo quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	2	2	Đã niêm yết đầy đủ, rõ ràng các TTHC để người dân dễ tiếp cận. Các hình thức niêm yết như: Niêm yết công khai trên bảng; Đóng thành quyển công khai tại bàn tiếp dân; công khai trên trang thông tin điện tử	
3.2.1	Trên 80% số TTHC: 2 Từ 70%-80% số TTHC: 1,5 Từ 50% đến dưới 70% số TTHC: 1 Dưới 50% số TTHC: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
3.2.2	Tỷ lệ UBND cấp xã công khai đầy đủ, đúng quy định TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Trên 80% số xã: 2 Từ 70% - 80% số số xã: 1 Từ 50% - dưới 70% số xã: 0.5 Dưới 50% số TTHC: 0	2	2	Báo cáo số 45/BC-NV ngày 24/11/2016 của Phòng Nội vụ về kết quả kiểm tra công tác CCHC và công vụ	
3.2.3	Tỷ lệ TTHC được công khai đầy đủ, đúng quy định trên công thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của huyện: 1 Trên 80% số TTHC: 1 Từ 70% - 80% số TTHC: 0,75 Từ 50% - dưới 70% số TTHC: 0.5 Dưới 50% số TTHC: 0	1	1	Truy cập trang thông tin điện tử huyện Đakrông, Địa chỉ: http://dakrong-quangtri.gov.vn	
3.2.4	Chế độ thông tin báo cáo TTHC (báo cáo 2 lần: 6 tháng và cuối năm): 1 Đúng thời gian quy định, đủ số lượng và đầy đủ nội dung theo yêu cầu: 1 Chậm thời gian quy định, hoặc thiếu 01 báo cáo: 0,5 Không báo cáo: 0	1	1	Báo cáo số: 100/BC-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện; Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện về tình hình, kết quả thực hiện KSTTHC.	
4	CÁI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC Tuân thủ các quy định của Trung ương và UBND tỉnh về tổ chức bộ máy (UBND huyện, UBND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo đúng quy định) Thực hiện đầy đủ theo quy định: 3 Thực hiện không đầy đủ theo quy định: 0	12	12	- Quyết định số 06/2016/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc ban hành quy chế làm việc của UBND huyện Đakrông; - Căn cứ Nghị định 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ, UBND huyện đã ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ các cơ quan, chuyên môn theo đúng quy định.	
4.1		3	3		

STT	Mức vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
4.2	Kiểm tra tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị hành chính cấp xã	5	5		
4.2.1	Ban hành kế hoạch kiểm tra	2	2	Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 29/7/2016 của UBND huyện về kiểm tra Hành chính công vụ	
	Có kế hoạch kiểm tra từ trên 30% số cơ quan, đơn vị: 2				
	Có kế hoạch kiểm tra từ 20% - 30% số cơ quan, đơn vị: 1				
	Có kế hoạch kiểm tra dưới 20% số cơ quan, đơn vị hoặc không có kế hoạch kiểm tra: 0				
4.2.2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra	2	2	Báo cáo số 45/BC-NV ngày 24/11/2016 (kiểm tra công vụ)	
	Thực hiện trên 80% kế hoạch: 2				
	Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1				
	Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5				
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0				
4.2.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thống kê số lượng các vấn đề cần xử lý hoặc kiến nghị xử lý)	1	1	Báo cáo số 45/BC-NV ngày 24/11/2016 (kiểm tra công vụ)	
	Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý:				
	Từ 70% - 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75				
	Từ 50% - 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5				
	Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
4.3	Thực hiện phân cấp quản lý	4	4		


STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
4.3.1	Thực hiện các quy định phân cấp về thẩm quyền quản lý do Trung ương, UBND tỉnh ban hành <i>Thực hiện đầy đủ các quy định: 1.5</i> <i>Thực hiện không đầy đủ các quy định: 0</i>	1,5	1,5	Công văn số 111/UBND-NC ngày 30/12/2014 của UBND huyện triển khai thực hiện quy định phân cấp quản lý tiền lương; Quyết định số 2982/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND huyện giao dự toán chi quản lý hành chính năm 2016	Căn cứ các văn bản của cấp trên UBND huyện đã thực hiện việc phân cấp các nội dung theo đúng quy định; quản lý CCVC, tài sản.
4.3.2	Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ đối với các nhiệm vụ đã phân cấp <i>Có thực hiện: 1.5</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1,5	1,5	UBND huyện thường xuyên nắm bắt tình hình thực hiện viên phân cấp thẩm quyền quản lý đối với các cơ quan, đơn vị đảm bảo theo đúng quy định.	
4.3.3	Xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra (qua kiểm tra, thông kê số lượng các vấn đề tồn tại, vướng mắc trong thực hiện phân cấp xử lý hoặc kiến nghị xử lý) <i>Không có sai phạm nào qua kiểm tra hoặc trên 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 1</i> <i>Từ 70% - 80% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0,75</i> <i>Từ 50% - 70% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5</i> <i>Dưới 50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra đều được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0</i>	1	1	Thông qua các cuộc họp giao ban, UBND huyện đã kịp thời nhắc nhở, chấn chỉnh các việc làm sai phạm.	
5	XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC	20	17,5		
5.1	Xác định cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm	5	5		

STT	 Lĩnh vực/Điều chỉ đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
5.1.1	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc đã làm được phê duyệt <i>100% số cơ quan, đơn vị: 1.5</i> <i>Từ 80% đến dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 1</i> <i>Dưới 60% số cơ quan, đơn vị: 0</i>	1,5	1,5	Công văn số 425/UBND-NC ngày 15/7/2016 của UBND huyện	
5.1.2	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện có cơ cấu viên chức theo vị trí việc đã làm được phê duyệt <i>100% số cơ quan, đơn vị: 1.5</i> <i>Từ 80% đến dưới 100% số cơ quan, đơn vị: 1</i> <i>Dưới 60% số cơ quan, đơn vị: 0</i>	1,5	1,5		
5.1.3	Mức độ thực hiện cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm được phê duyệt <i>Trên 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 2</i> <i>Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1.5</i> <i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 1</i> <i>Dưới 50% số cơ quan, đơn vị thực hiện đúng cơ cấu công chức, viên chức được phê duyệt: 0</i>	2	2	Tất cả công chức, viên chức đều được bố trí làm việc đúng vị trí việc làm, phù hợp với chuyên môn	
5.2	Tuyển dụng, bố trí sử dụng công chức, viên chức	4	4		
5.2.1	Thực hiện quy định về tuyển dụng công chức, viên chức của TW, UBND tỉnh <i>Thực hiện đúng quy định: 1</i> <i>Thực hiện không đúng quy định: 0</i>	1	1	Đã thực hiện công tác tuyển dụng đảm bảo theo đúng quy định của cấp trên.	
5.2.2	Thực hiện đúng quy định về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức	1,5	1,5	Tất cả công chức trúng tuyển đều được bố trí đúng vị trí việc làm	




STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>				
5.2.3	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc cấp huyện thực hiện bố trí công chức theo đúng quy định về vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp	1.5	1.5	Tất cả viên chức trung tuyển đều được bố trí vào vị trí việc làm theo chức danh nghề nghiệp	
	<i>Trên 80% số cơ quan: 1.5</i>				
	<i>Từ 70% - 80% số cơ quan: 1</i>				
	<i>Từ 50% - dưới 70% số cơ quan: 0.5</i>				
	<i>Dưới 50% số cơ quan: 0</i>				
5.3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.	4	2		
5.3.1	Ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm của huyện	2	0		
	<i>Ban hành trước hoặc trong tháng 1 của năm kế hoạch: 2</i>				
	<i>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 1</i>				
	<i>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31 tháng 3 năm kế hoạch: 0</i>			Kế hoạch số 93/KH-UBND ngày 28/6/2016 về Đào tạo, bồi dưỡng công chức viên chức giai đoạn 2016-2020.	
5.3.2	Mức độ thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của huyện	2	2	Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2016	
	<i>Thực hiện 100% kế hoạch: 2</i>				
	<i>Thực hiện từ 80% đến dưới 100% kế hoạch: 1.5</i>				
	<i>Thực hiện từ 60% - dưới 80% kế hoạch: 1</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% đến dưới 60% kế hoạch: 0.5</i>				
	<i>Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0</i>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/điểm giải	Ghi chú
5,4	Đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức	4	4		
5.4.1	Cập nhật đầy đủ thông tin cán bộ, công chức, viên chức trên hệ thống thông tin cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh: 3 <i>Cập nhật đầy đủ theo Quy chế: 3</i> <i>Cập nhật không đầy đủ: 0</i>	3	3	Thông tin cán bộ, công chức, viên chức được cập nhật đầy đủ	
5.4.2	Đánh giá công chức, viên chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao <i>Có thực hiện: 1</i> <i>Không thực hiện: 0</i>	1	1	Thực hiện viên đánh giá Công chức, viên chức theo đúng quy định	
5,5	Cán bộ, công chức cấp xã	3	2,5		
5.5.1	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã <i>100% công chức đạt chuẩn: 1</i> <i>Từ 70% đến dưới 100% công chức đạt chuẩn: 0.75</i> <i>Từ 50% - dưới 70% công chức đạt chuẩn: 0.5</i> Dưới 50% công chức đạt chuẩn: 0	1	1	Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2016	Tỷ lệ đạt chuẩn của công chức cấp xã là 98%
5.5.2	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ cấp xã <i>100% công chức đạt chuẩn: 1</i> <i>Từ 70% đến dưới 100% công chức đạt chuẩn: 0.75</i> <i>Từ 50% - dưới 70% công chức đạt chuẩn: 0.5</i> Dưới 50% công chức đạt chuẩn: 0	1	1	Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2016	Tỷ lệ đạt chuẩn hiện tại của cán bộ cấp xã là 83%
5.5.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm <i>Trên 70% cán bộ, công chức: 1</i> <i>Từ 50% - 70% cán bộ, công chức: 0.5</i> <i>Dưới 50% cán bộ, công chức: 0</i>	1	0,5		

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/điển giải	Ghi chú
6	 <p>THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG Triển khai thực hiện cơ chế khoán biên chế và kinh phí hành chính tại cơ quan hành chính theo quy định của Chính phủ</p>	3,5	3,5	100% đơn vị thực hiện Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2016	
6.1	<p>100% cơ quan triển khai thực hiện: 2 Dưới 100% cơ quan triển khai thực hiện: 0</p>				
6.2	<p>Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND cấp huyện thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định</p> <p>Trên 80% đơn vị: 1,5 Từ 70% - 80% đơn vị: 1 Từ 50% - dưới 70% đơn vị: 0,5 Dưới 50% đơn vị: 0</p>	1,5	1,5	100% đơn vị thực hiện Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2016	
7	<p>HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH</p>	12	11,5		
7.1	<p>Ứng dụng công nghệ thông tin của UBND cấp huyện</p>	10	9,5		
7.1.1	<p>Ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của cấp huyện</p>	1	1	Kế hoạch số 62/KH-UBND ngày 25/4/2016 của UBND huyện về ứng dụng công nghệ thông tin năm 2016	
	<p>Ban hành trước hoặc trong tháng 01 của năm kế hoạch: 1</p>				
	<p>Ban hành muộn hơn, chậm nhất là ngày 31/3 của năm kế hoạch: 0.5</p>				
7.1.2	<p>Không ban hành hoặc ban hành sau ngày 31/3 năm kế hoạch: 0</p>	1,5	1,5	Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2016	
	<p>Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của huyện</p>				
	<p>Thực hiện trên 80% kế hoạch: 1.5</p>				
	<p>Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch: 1</p>				
	<p>Thực hiện từ 50% - dưới 70% kế hoạch: 0.5</p>				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
	Thực hiện dưới 50% kế hoạch: 0				
7.1.3	Tỷ lệ các cơ quan chuyên môn cấp huyện triển khai ứng dụng phần mềm quản lý văn bản	2	2	100% cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện	
	Trên 80% cơ quan triển khai ứng dụng: 2				
	Từ 70% - 80% cơ quan triển khai ứng dụng: 1.5				
	Từ 50% - dưới 70% cơ quan triển khai ứng dụng: 1				
	Dưới 50% cơ quan triển khai ứng dụng: 0				
7.1.4	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp huyện và đơn vị hành chính cấp xã sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc	1,5	1,5	100% cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện	
	Trên 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 1.5				
	Từ 70% - 80% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 1				
	Từ 50% - dưới 70% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0.5				
	Dưới 50% số cơ quan, đơn vị sử dụng: 0				
7.1.5	Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến	2,5	2,5	Truy cập trang thông tin điện tử huyện Đakrông, Địa chỉ: http://dakrong-quangtri.gov.vn	
	Tất cả dịch vụ công đều được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2:				
	0.5				
	Có từ 02 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3: được công thêm 1				
	Có 2 dịch vụ công trở lên được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4: 1				
7.1.6	Huyện có Công/Trang thông tin điện tử	1	1	Truy cập trang thông tin điện tử huyện Đakrông, Địa chỉ: http://dakrong-quangtri.gov.vn	
	Có Công/Trang thông tin điện tử: 1				
	Không có Công/Trang thông tin điện tử: 0				
7.1.7	Tỷ lệ số cấp xã thuộc UBND cấp huyện có Công/Trang thông tin điện tử	0,5	0		
	Từ 50% số cấp xã trở lên: 0.5				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
	Dưới 50% số cấp xã: 0				
7.2	Áp ISO vào hoạt động của UBND cấp huyện	2	2	Bản công bố ban hành kèm theo Quyết định số 3544/QĐ-UBND ngày 18/11/2014 của UBND huyện.	
	Áp dụng đầy đủ lĩnh vực theo quy định: 2				
	Áp dụng từ 2/3 lĩnh vực theo quy định: 1				
	Áp dụng từ dưới 2/3 lĩnh vực theo quy định: 0				
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG	14	13		
8.1	Tỷ lệ đơn vị hành chính cấp xã triển khai cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông	3	3	14/14 xã, thị trấn đã thực hiện	
	100% số đơn vị: 3				
	Từ 70% đến dưới 100% số đơn vị: 2				
	Từ 50% - dưới 70% số đơn vị: 1				
	Dưới 50% số đơn vị: 0				
8.2	Ban hành quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3	3	Quyết định số 509/QĐ-UBND ngày 9/5/2016 của UBND huyện (quy chế hoạt động của BPTN&TKQ)	
	Có ban hành: 3				
	Không ban hành: 0				
8.3	Bố trí địa điểm, trang thiết bị cho bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	3	2	Đã bố trí phòng làm việc. Đã bố trí trang thiết bị theo đúng quy định.	
	Bố trí đảm bảo đúng quy định: 3				
	Bố trí chưa đầy đủ: 2				
	Không bố trí: 0				
8.4	Thực hiện chế độ phụ cấp đối với CBCC làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả theo quy định	1	1	Đã thực hiện 200.000 đồng/01 tháng/01 công chức	
	Đã thực hiện: 1				
	Chưa thực hiện: 0				

STT	Lĩnh vực/Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Tài liệu kiểm chứng/diễn giải	Ghi chú
8.5	 <p>Kết quả giải quyết thủ tục hành chính (tỷ lệ trả kết quả giải quyết TTHC đúng và trước hạn)</p> <p>Đạt 100%: 2</p> <p>Từ 71% - 99%: 1,5</p> <p>Từ 61% - 70%: 1</p> <p>Từ 50% - 60%: 0,5</p> <p>Dưới 50%: 0</p>	2	2	<p>Báo cáo số: 100/BC-UBND ngày 23/5/2016 của UBND huyện;</p> <p>Báo cáo số 280/BC-UBND ngày 22/11/2016 của UBND huyện về tình hình, kết quả thực hiện KSTTHC.</p>	
8.6	<p>Tỷ lệ thủ tục hành chính thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông</p> <p>Đạt 100%: 2</p> <p>Từ 71% - 99%: 1,5</p> <p>Từ 61% - 70%: 1</p> <p>Từ 50% - 60%: 0,5</p> <p>Dưới 50%: 0</p>	2	2	<p>Báo cáo số 267/BC-UBND ngày 09/11/2016 tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2016</p>	
TỔNG ĐIỂM		100	95,5		